

Bản án số: 118/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2017
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Khanh
Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B - Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ 8 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Thái H- Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Tổ 8 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày :

Vào năm 2006, chị Trần Thị B tự nguyện chung sống với anh Phan Thái H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 34/2007 ngày 5 tháng 6 năm 2007 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh BR-VT.

Sau khi kết hôn, chị B và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, anh H thường xuyên tham gia cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình. Chị B và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi. Từ

đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày một trầm trọng và phải ly thân từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị B cho rằng chị không còn tình cảm với anh H nữa, mâu thuẫn giữa chị và anh H đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị B xác định chị và anh H có với nhau 01 con chung là Phan Uyên Trang, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2007. Từ thời điểm ly thân đến nay, cháu Trang sống trực tiếp với chị B. Cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Nay, chị B có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B xác định không có, không tranh chấp.

Bị đơn là anh Phan Thái H:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh Phan Thái H vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương và người thân của anh H về địa chỉ nơi cư trú thể hiện anh H có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ anh H cung cấp nhưng thường xuyên vắng nhà do đi làm ăn xa nên không lấy được ý kiến của anh H.

Đại diện VKS nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn anh Phan Thái H triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Phan Thái H có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn anh Phan Thái H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều

227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Phan Thái H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C ngày 5/6/2007. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị B và anh H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị B trình bày là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, anh H đăm mê cờ bạc làm cho kinh tế gia đình lâm vào tình cảnh khó khăn nên chị B làm đơn xin ly hôn với anh H. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B và anh H đã sống ly thân nhau gần 2 năm. Theo biên bản xác minh ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thể hiện: giữa hai vợ chồng chị B có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và xảy ra cãi vã về kinh tế; gia đình đã khuyên bảo nhưng không thể hàn gắn mà mâu thuẫn ngày một trầm trọng, nay hai bên khó có thể khắc phục để quay về sống hạnh phúc. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình*”, “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng giữa chị B và anh H không đạt được những điều đó. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Hoà nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên toà nhằm tạo điều kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh H đã không có mặt, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đối chiếu với quy định tại khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

- Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phan Uyên T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2007. Xét, chị B có đủ điều kiện nuôi con, cháu T đang sống ổn định với chị B, phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B xác định không có, không tranh chấp. Anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội thì nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B. Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Phan Thái H.

2. *Về con chung:* Chị Trần Thị B được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Uyên T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2007 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị B và anh Phan Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Chị Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2016/0009088 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Chị B đã nộp xong tiền án phí.

- Anh Phan Thái H không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Phước Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền